

Số: **689**/TM-TTKSBT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **11** tháng **02** năm 2026

THƯ MỜI CHÀO GIÁ
Về việc cung cấp báo giá hóa chất

Kính gửi: Quý Công ty

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Hồ Chí Minh có nhu cầu tiếp nhận báo giá hoá chất, xây dựng gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu với nội dung cụ thể như sau

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Khoa Dược – Thiết bị y tế - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: số 366A Âu Dương Lân, phường Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh. Số điện thoại: 0909408895 Line: 263.
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược - Thiết bị y tế - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Hồ Chí Minh, số 366A Âu Dương Lân, phường Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh.
 - Thư báo giá có đóng dấu của đơn vị, bỏ vào phong bì dán kín, đóng dấu niêm phong; ngoài bì thư ghi rõ “Báo giá theo Thư mời báo giá số **689**/TM-TTKSBT ngày **11** /**02**/2026”.
 - Kèm báo giá file mềm qua email: **khoaduoc@hcdc.gov.vn**
 - Thời hạn tiếp nhận báo giá: Đến trước 15h00 ngày **02** tháng **03** năm 2026.Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu **120 ngày**, kể từ ngày **02** tháng **03** năm 2026

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục hàng hóa: (đính kèm danh mục hàng hóa)
- Địa điểm giao hàng: tại kho của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: 699 Trần Hưng Đạo, Phường Chợ Quán, TP. Hồ Chí Minh.
- Thời gian giao hàng dự kiến: Quý 2 năm 2026.
- Hình thức thanh toán: chuyển khoản. Thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận đủ chứng từ theo quy định của Trung tâm. Các thông tin khác: Nhà thầu chịu trách nhiệm vận chuyển hàng hoá, bốc xếp vào tận kho của Trung tâm tại địa điểm 699 Trần Hưng Đạo, Phường Chợ Quán, TP. Hồ Chí Minh (chi phí đã bao gồm).
- Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

+ Bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);

+ Tài liệu kỹ thuật của tất cả hàng hóa mà công ty chào (giấy chứng nhận đăng ký lưu hành (nếu có), giấy chứng nhận lưu hành tự do (nếu có), catalogue sản phẩm và các tài liệu kỹ thuật liên quan khác, ..) chứng minh phù hợp với yêu cầu của Trung tâm.

Báo giá hợp lệ phải có đầy đủ các thành phần nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, K.D-VTYT
(NNTX-TTTP-2b)

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hồng Tâm

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

DANH MỤC HÀNG HÓA

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
1	Hydrochloric acid fuming 37%	Dùng trong phân tích, đạt chuẩn ACS, ISO, Reag. Ph Eur. Độ tinh khiết: 37,0 - 38,0 %	Chai 1000 mL	Chai	05
2	Nitric acid 65%	- Dùng trong phân tích, đạt chuẩn ACS, ISO, Reag. Ph Eur. Độ tinh khiết \geq 65,0%.	Chai 1000 mL	Chai	03
3	Triethanolamine	Dùng trong phân tích, đạt tiêu chuẩn ACS, ISO, Reag. Ph Eur. Độ tinh khiết: \geq 99 %. Dạng lỏng.	Chai 250 mL	Chai	01
4	Ethylendiamintetraacetic acid disodium magnesium salt hydrate	Dùng trong phân tích, đạt tiêu chuẩn ACS, ISO, Reag. Ph Eur. Độ tinh khiết \geq 99%; dạng tinh thể.	Chai 250 g	Chai	01
5	Chuẩn Ethylenediaminetetraacetic acid disodium salt dehydrate nồng độ 0,1M (0,1 mol/L) - C(Na ₂ -EDTA.2H ₂ O) = 0,1 mol/L	Truy xuất theo chuẩn NIST, pha trong nước 1.000 mL, C(Na ₂ -EDTA.2H ₂ O) = 0,1 mol/L.		Ống	01
6	Lead standard solution, 1.000 mg/L Pb	Truy nguyên theo chuẩn NIST Pb(NO ₃) ₂ trong HNO ₃ 0,5 mol/L 1.000 mg/L Pb	Chai 100 mL	Chai	01
7	Sulfate standard solution, 1.000 mg/L SO ₄ ²⁻	Truy nguyên theo chuẩn NIST Na ₂ SO ₄ trong H ₂ O 1.000 mg/L SO ₄ .	Chai 500 mL	Chai	02
8	Nitrite standard solution, 1.000 mg/L NO ₂ ⁻	Truy nguyên theo chuẩn NIST NaNO ₂ trong H ₂ O 1.000 mg/L NO ₂ .	Chai 500 mL	Chai	02
9	Phosphate modifier	Dùng trong phương pháp phân tích lò graphite AAS NH ₄ H ₂ PO ₄ 100 \pm 2 g/L trong H ₂ O. Dạng lỏng.	Chai 50 mL	Chai	01
10	Thuốc thử Floride	Dùng để xác định Floride bằng phương pháp SPADNS; Phạm vi đo từ 0,02 đến 2,00 mg/L F. Dạng lỏng	Chai 500 mL	Chai	01
11	Thuốc thử Nitrate	- Dùng để xác định Nitrate bằng phương pháp khử Cadimi; - Phạm vi đo 0,1 đến 10,0 mg / L NO ₃ ⁻ - N.	Gói/ 100 test	Gói	02
12	Thuốc thử Ammonia	- Dùng để xác định Ammonia theo phương pháp Salicylate; - Phạm vi đo từ 0,02 đến 2,5 mg/L NH ₃ -N.	Hộp 50 test	Hộp	03
13	Buffer solution pH 4,00	Truy nguyên theo chuẩn NIST, đạt chuẩn DIN 19266, IUPAC, Ph Eur, USP	Chai 1000 mL	Chai	01



STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
14	Buffer solution pH 7,00	Truy nguyên theo chuẩn NIST, đạt chuẩn DIN 19266, IUPAC, Ph Eur, USP.	Chai 1000 mL	Chai	01
15	Buffer solution pH 10,00	Truy nguyên theo chuẩn NIST, đạt chuẩn DIN 19266, IUPAC, Ph Eur, USP.	Chai 1000 mL	Chai	01
16	Khí Acetylen	Khí dùng trong phân tích tại phòng thí nghiệm. Độ tinh khiết $\geq 98\%$. Bình 40L/Khối lượng khí khoảng 6 kg/Áp suất 18-25 bar.		Bình	01
17	1,8-Dihydroxy-2-(4-sulfophenylazo)naphthalen e-3,6- disulfonic acid trisodium salt)	Thuốc thử loại dùng cho phân tích. Thay đổi màu với zirconium. Bước sóng hấp thu (đệm pH 7,0): 505-510 nm.	Chai 25g	Chai	01
18	Amonium standard solution, 1.000 mg/L NH_4^+	Truy nguyên theo chuẩn NIST NH_4Cl trong H_2O 1.000 mg/L NH_4 .	Chai 500 mL	Chai	01
19	Boric acid	Dùng trong phân tích, đạt chuẩn ACS, ISO, Reag. Ph Eur. Độ tinh khiết $\geq 99,5\%$.	Chai 500 g	Chai	01
20	Nitrate standard solution, 1.000 mg/L NO_3^-	Truy nguyên theo chuẩn NIST NaNO_3 trong H_2O 1.000 mg/L NO_3	Chai 500 mL	Chai	01
21	Potassium dihydrogen phosphate	Dùng trong phân tích, đạt chuẩn ACS, ISO, Reag. Ph Eur. Độ tinh khiết $\geq 99,5\%$.	Chai 1000g	Chai	01
22	Potassium permanganate solution 0,1N	Truy nguyên theo chuẩn NIST. Nồng độ: 0,01990-0,02010 mol/L	Chai 1000 mL	Chai	01
23	Dung dịch đo độ dẫn điện 10uS/cm	Truy nguyên theo chuẩn NIST	Chai 250 mL	Chai	01
24	N,N-Diethyl-P-Phenylenediamine sulfate salt	Dùng làm chỉ thị màu. Độ tinh khiết $\geq 98,0\%$.	Chai 250g	Chai	01
25	Magnesium oxide	Dùng trong phân tích. Độ tinh khiết $\geq 97,0\%$	Chai 500g	Chai	01
26	Potassium iodate standard	Truy nguyên theo chuẩn NIST SRM, chuẩn thứ cấp cho phép thử Iod. Dạng bột.	Chai 100 g	Chai	01
27	Di-sodium oxalate standard	Truy nguyên theo chuẩn NIST SRM, chuẩn thứ cấp cho chuẩn độ oxy hóa khử. Dạng bột	Chai 60g	Chai	01
28	Bromocresol green	Dùng làm chỉ thị pH, đạt chuẩn ACS, Reag. Ph Eur. Dạng bột.	Chai 5g	Chai	01
29	Bactident Oxidase	Dạng que giấy, đầu que giấy có tấm thuốc thử N,N-dimethyl-1,4-phenylene diammonium dichloride 0,1 μmol và 1-naphthol 1,0 μmol . Đáp ứng đồng thời tiêu chuẩn: ISO 17025, ISO 11133. Cung cấp kèm CoA	Hộp 50 strips	Hộp	01

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
30	Bactident Coagulase	Phù hợp cho kiểm nghiệm vi sinh; Huyết tương thô dạng đông khô với EDTA; Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 17025, ISO 11133; Cung cấp kèm CoA	Hộp 6 vial x 3mL/vial 1	Hộp	03
31	Acetamide broth	Môi trường phù hợp cho kiểm nghiệm vi sinh Môi trường dạng hạt, ít bụi, dễ hòa tan, không bị vón cục. Đáp ứng đồng thời tiêu chuẩn: ISO 16266, ISO 17025 và FDA-BAM Thử nghiệm đầu ra đáp ứng ISO 11133; pH: 6,8 – 7,2 (2,56 g/950ml, H ₂ O, 25 độ C)	Bộ 2 hộp	Bộ	01
32	King Agar B	Môi trường phù hợp cho kiểm nghiệm vi sinh. Môi trường dạng hạt, ít bụi, dễ hòa tan, không bị vón cục Đáp ứng đồng thời tiêu chuẩn ISO 16266 và ISO 17025. Thử nghiệm đầu ra đáp ứng ISO 11133; pH: 6,9 - 7,3 (3,5 g/l, H ₂ O, 25 độ C)	Hộp 500g	Hộp	01
33	Thuốc thử Nessler	Dạng dung dịch Potassium tetraiodomercurate – Potassium hydroxide. Cung cấp kèm CoA	Chai 100ml	Chai	01
34	Peptone from casein (Tryptone)	Phù hợp để pha chế môi trường vi sinh Dạng hạt, ít bụi, dễ hòa tan, không bị vón cục. Cung cấp kèm CoA	Hộp 1000g	Hộp	01
35	Nutrient agar	Môi trường phù hợp cho kiểm nghiệm vi sinh. Môi trường dạng hạt, ít bụi, dễ hòa tan, không bị vón cục. Đáp ứng đồng thời tiêu chuẩn ISO 6579 và ISO 17025 Thử nghiệm đầu ra đáp ứng ISO 11133 pH: 6,8 -7,2 (20 g/l, H ₂ O, 37 độ C) sử dụng sau hấp	Hộp 500g	Hộp	01
36	Pseudomonas CN selective supplement	Phù hợp cho kiểm nghiệm vi sinh; Phù hợp sử dụng pha chế môi trường Pseudomonas CN Agar theo tiêu chuẩn ISO 16266; Đáp ứng tiêu chuẩn: ISO 17025, ISO 11133; pH: 8,2 - 8,8 (63 g/L, H ₂ O, 20 độ C); Cung cấp kèm CoA	Hộp 10vial	Hộp	02
37	Plate Count Agar	Môi trường phù hợp cho kiểm nghiệm vi sinh. Môi trường dạng hạt, ít bụi, dễ hòa tan, không bị vón cục. Đáp ứng đồng thời tiêu chuẩn ISO 4833 và ISO 17025	Hộp 500g	Hộp	01



STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
		Thử nghiệm đầu ra đáp ứng ISO 11133 pH: 6,8 - 7,2 (22 g/l, H ₂ O, 30 độ C) sau khi hấp			
38	Dichloran Glycerol Agar (DG18)	Môi trường phù hợp cho kiểm nghiệm vi sinh. Môi trường dạng hạt, ít bụi, dễ hòa tan, không bị vón cục. Đáp ứng đồng thời tiêu chuẩn: ISO 21527-2, ISO 17025 Thử nghiệm đầu ra đáp ứng ISO 11133 pH: 5,4 – 5,8 (31,6 g/l; H ₂ O, 37độ C)	Hộp 500g	Hộp	01
39	Glycerol	Môi trường phù hợp cho kiểm nghiệm vi sinh. Môi trường dạng hạt, ít bụi, dễ hòa tan, không bị vón cục. Đáp ứng đồng thời tiêu chuẩn: ISO 21527-2, ISO 17025 Thử nghiệm đầu ra đáp ứng ISO 11133 pH: 5,4 – 5,8 (31,6 g/l; H ₂ O, 37độ C)	Chai 2500 mL	Chai	01

